

Số: 30/2025/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 13 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N G, sinh năm 1987

- *Bị đơn*: Anh Vũ Tr, sinh năm 1978

Địa chỉ: đều ở khu TN, xã YL, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N G và anh Vũ Tr.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Hai bên trình bày vợ chồng có 01 con chung là Vũ Công A, sinh ngày 06/12/2019. Ly hôn hai bên thỏa thuận: Chị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G với số tiền là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng)/01 tháng, kể từ tháng 9 năm 2025 đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Chị N, anh Tr cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở hai bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Nam G xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004388 ngày 26/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Phú Thọ). Chị G đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6- Phú Thọ;
- Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã YL, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lương Ngọc D